

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2015/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính và Khoa học và Công nghệ về Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1200/TTr-SKHCN ngày 16 tháng 11 năm 2015 (kèm theo báo cáo thẩm định số 1896/BC-STP ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Sở Tư pháp),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày ban hành, thay thế Quyết định số 04/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH và CN;
- Cục kiểm tra VB Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Chánh, Phó VP/UB;
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KIA CHU TỊCH
KIA CHU TỊCH**



Nguyễn Thiện

QUY ĐỊNH

**Định mức xây dựng, phân bổ và quyết toán kinh phí đối với
nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2015/QĐ-UBND
ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH và CN) và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước; định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH và CN; các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ KH và CN của cơ quan có thẩm quyền; quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH và CN; quy định chi công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Các nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán.

1. Các định mức xây dựng dự toán quy định tại Quy định này là định mức tối đa đối với nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ KH và CN không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ KH và CN.

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH và CN:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ;
- Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học;
- Thành viên;
- Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ

thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ KH và CN được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: Tiền công cho các chức danh quy định tại Điều 3 Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ KH và CN. Đối với nhiệm vụ KH và CN cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rã tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH và CN;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ KH và CN;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ KH và CN theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH và CN.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi hợp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH và CN (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ KH và CN nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ KH và CN.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Điều 5. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

a) Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH và CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu
4	Nội dung nghiên cứu chuyên môn	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn
5	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ
6	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác
7	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp

(Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ KH và CN có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên).

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH và CN được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 4 giờ được tính 1 ngày công, dưới 4 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH và CN có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung nhiệm vụ KH và CN tại điểm a, khoản 1 Điều này, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau:

Dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh được tính theo công thức và định mức sau: $Tc = Les \times Hsten \times Snc$

Trong đó:

Tc: Dự toán tiền công của chức danh

Les: Lương cơ sở do Nhà nước quy định

Hsten: Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh tính theo Bảng 1 dưới đây

Snc: Số ngày công của từng chức danh

Bảng 1: Hệ số tiền công ngày cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KHCN.

TT	Chức danh nghiên cứu	Hệ số lương chức danh nghiên cứu (Hcd) Lương tính theo ngạch, bậc	Hệ số lao động khoa học (Hkh)	Hệ số tiền công theo ngày Htc= (HcdxHkh)/22 ngàyx 70%
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	6,92	2,5	0,55
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	5,42	2,0	0,34
3	Thành viên	3,66	1,5	0,18
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	2,86	1,2	0,11

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu:

a) Thuê chuyên gia trong nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ KH và CN có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH và CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng). Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH và CN quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH và CN có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH và CN quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trong trường hợp nhiệm vụ KH và CN có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH và CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 40% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH và CN quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ KH và CN có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 40% tổng dự toán kinh

phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH và CN quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

3. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

4. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ KH và CN; được quản lý theo quy định hiện hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

5. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu:

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước và Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định 3352/2010/QĐ-UBND ngày 18/11/2010 của UBND tỉnh. Ngoài ra, Quy định này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

- Người chủ trì: 1000.000 đồng/buổi hội thảo.
- Thư ký hội thảo: 500.000 đồng/buổi hội thảo.
- Báo cáo viên trình bày tại hội thảo: 800.000 đồng/báo cáo.
- Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo: 500.000 đồng/báo cáo
- Thành viên tham gia hội thảo: 200.000 đồng/thành viên/buổi hội thảo.

6. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

7. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có): được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH và CN cấp tỉnh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định này.

8. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH và CN:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH và CN, bao gồm: chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH và CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH và CN của tổ chức chủ trì.

Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH và CN bằng 3% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng.

9. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH và CN.

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn:

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ của thành viên các Hội đồng tư vấn KH và CN (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH và CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH và CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH và CN);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn;

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ KH và CN liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KH&CN.

Điều 7. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ KH và CN.

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:

a) Chi tiền công:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa áp dụng tại địa phương
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH và CN		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH và CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		700
	Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên hội đồng		550
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		350

	trong Hội đồng		
2	Chỉ về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH và CN		
a	Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH và CN	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH và CN		
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	500
	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	350
	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	200
	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	150
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH và CN		
a	Chi hợp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.000
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700
	Thư ký hành chính		200
	Đại biểu được mời tham dự		150
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

Trong trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ KH và CN; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH và CN thấy cần thiết), cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH và CN có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ KH và CN quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ:
- a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí áp dụng cho các cơ quan nhà nước.
- b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy định này.

Chương III

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH VÀ CN

Điều 8. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ KH và CN.

Hằng năm căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ KH và CN trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ KH và CN trong năm và định mức chi quy định tại Quy định này Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của nhiệm vụ KH và CN và tổng hợp vào dự toán chi ngân sách hàng năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 9. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH và CN.

1. Căn cứ:

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KH và CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các định mức kinh tế-kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán quy định tại Quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH và CN được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ KH và CN.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ KH và CN.

Điều 10. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN.

1. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định và phê duyệt dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH và CN theo đúng chế độ quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp KH và CN được cơ quan có thẩm quyền giao, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc quản lý và thực hiện nhiệm vụ KH và CN.

Điều 11. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH và CN.

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 12. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích.

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Quy chế và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ của tỉnh.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành.

Đối với các nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định hiện hành tại thời điểm phê duyệt.

Điều 14. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các tổ chức cá nhân liên quan thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện Quy định này.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố áp dụng định mức của Quy định này để xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ KH và CN có sử dụng ngân sách nhà nước trong phạm vi đơn vị và địa phương.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến bằng văn bản đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp/.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Thiện